TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14/8/2025.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2025/TLST - HNGĐ ngày 23/6/2025, về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXX – ST, ngày 23/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã Quả, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa. Nay là thôn L, xã Qu, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Mỹ N, Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là thôn xx, xã T, tỉnh Đắk Lắk).

(Anh Th, chị N vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2025 anh Nguyễn Văn Th trình bày như sau:

Tôi và chị Phan Thị Mỹ N sống chung với nhau từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Qu, tỉnh Thanh Hóa) ngày 31/12/2019.

Sau khi cưới vợ chồng tôi về chung sống với nhau ở thôn L, xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn L, xã Qu, tỉnh Thanh Hóa). Đến đầu năm 2021 hai vợ chồng chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, chị N cho rằng gia đình tôi không cưới hỏi chị N đàng hoàng, do bất mãn với cuộc sống vợ chồng như vậy nên tới tháng 01/2022 thì chị N đã đem hai con về nhà bố mẹ đẻ ở Đắk Lắk sống đến nay. Do đó chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay tôi xét thấy hôn nhân giữa chúng tôi không hề có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng ly thân nhau thời gian khá dài không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, tôi nộp đơn đến Tòa án và có nguyện vọng xin được ly hôn với chị Phan Thị Mỹ N.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là:

1. Cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 26/7/2019;
2. Cháu Nguyễn Phan Nhã Th, sinh ngày 01/10/2021.

Tôi đồng ý giao hai cháu Ph và Th cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi tròn.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Tôi đồng ý cấp dưỡng cho hai cháu Ph và Th với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/02cháu/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị Mỹ N trình bày:

Tôi thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Văn Th về thời gian chung sống, kết hôn là đúng Th tế và không bổ sung gì thêm. Sau khi cưới tôi với anh Th sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngoài ra tôi và em gái anh Th cũng như gia đình bên chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Do quá bất mãn với cuộc sống như vậy nên tới tháng 01/2022 tôi đem hai con về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sống và chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay mạnh ai nấy sống. Xét thấy, do không sống cùng nhau nên giữa vợ chồng mất dần tình cảm. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi với anh Nguyễn Văn Th ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung như anh Th trình bày. Từ ngày vợ chồng tôi ly thân đến nay cả hai cháu đều đang sống với tôi. Nguyện vọng của tôi là xin nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi con tôi không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi không tạo lập được tài sản nào chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th, bị đơn chị Phan Thị Mỹ N

vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã Th hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã Th hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th, bị đơn chị Phan Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th, chị N.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Th ly hôn chị Phan Thị Mỹ N.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 26/7/2019 và Nguyễn Phan Nhã Th, sinh ngày 01/10/2021 cho chị Phan Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn Th tự nguyện cấp dưỡng cho hai cháu Nguyễn Thiên Ph và Nguyễn Phan Nhã Th với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/02 cháu/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phan Thị Mỹ N không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th đề ngày 19/5/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã Th hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Th, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th, chị Phan Thị Mỹ N.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phan Thị Mỹ N chung sống với nhau từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Qu, tỉnh Thanh Hóa) ngày 31/12/2019. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N và anh Th tuổi đời còn trẻ nên chưa có nhiều kinh nghiệm sống do vậy vợ chồng dễ xẩy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ những mâu thuẫn nhỏ ban đầu nhưng vợ chồng không tự dàn xếp được do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Đến tháng 01/2022 chị N đã mang theo hai con về nhà ngoại ở Đắk Lắk và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cả anh Th và chị N đều khẳng định anh, chị không còn tình cảm với nhau nên cả anh Th và chị N đều có nguyện vọng xin được ly hôn nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không có hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh Nguyễn Văn Th ly hôn chị Phan Thị Mỹ N là phù hợp.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phan Thị Mỹ N có 02 con chung là Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 26/7/2019 và Nguyễn Phan Nhã Th, sinh ngày 01/10/2021. Hiện tại cả hai cháu đều đang sinh sống với mẹ là chị Phan Thị Mỹ N. Quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu Ph và Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy việc chị N xin nuôi hai cháu Ph và Th là hoàn toàn tự nguyện, hơn Na anh Th cũng đồng ý giao hai cháu cho chị N nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao 02 con chung là các cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 26/7/2019 và Nguyễn Phan Nhã Th, sinh ngày 01/10/2021 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Mỹ N không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, bản thân anh Th có nguyện vọng xin được cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng/02 cháu để cùng chị N nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Thiên Ph và cháu Nguyễn Phan Nhã Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét việc anh Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là không trái quy định của pháp luật nên HĐXX áp dụng các Điều 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận việc anh Nguyễn Văn Th tự nguyện cấp dưỡng để nuôi con chung là cháu Nguyễn Thiên Ph và Nguyễn Phan Nhã Th với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/01 tháng/02cháu cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Th và chị Phan Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình .

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Th ly hôn chị Phan Thị Mỹ N.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên Ph, sinh ngày 26/7/2019 và cháu Nguyễn Phan Nhã Th, sinh ngày 01/10/2021 cho chị Phan Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phúc và Thư đủ 18 tuổi.

"Anh Nguyễn Văn Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung"

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn Th tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng/02cháu để cùng chị N nuôi cháu Nguyễn Thiên Ph và cháu Nguyễn Phan Nhã Th cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015*".

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Th và chị Phan Thị Mỹ N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000đ (Sáu trăm

nghìn đồng). Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực xx - Đắk Lắk) theo biên lai thu số 0003301 ngày 16 tháng 6 năm 2025. Sau khi khấu trừ anh Nguyễn Văn Th còn phải nộp tiếp 300.000đồng tiền án phí tiền án phí còn lại.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được Th hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./."

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;*
- *Phòng THADS khu vực xx – Đắk Lắk;*
- *UBND xã Qu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền